

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 (2024-2025)

Đ 16
H: 3

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viễn chấm thi 1 G.Viễn chấm thi 2

Môn học: Phiên dịch thương mại (22431502)

Ngày thi: 09/05/2025

Giờ thi: 9g45

Phòng thi: B101

Số SV có mặt: 19

Số bài thi: 19

Số tờ giấy thi: 19

Ng. H. T. Văn
H. T. Hưng
Phan Chi Sơn
Nguyễn Thanh Loan
C. Loan

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP	Ghi chú
1	2121240161	Trần Thị Tuyết	Anh	19/06/2003	CCQ2124F	03	thgthh	7,0	4.0	5.2	
2	2122240139	Nguyễn Thị Ngọc	Ánh	30/01/2004	CCQ2224E	03	Anh	8,5	6.6	7.4	
3	2122240166	Trần Quang	Bình	30/04/2003	CCQ2224E			7.8			
4	2122240193	Dương Thị Bảo	Chân	26/12/2004	CCQ2224F	03	Phu	7,9	6.2	6.9	
5	2121240003	Trần Thị Hồng	Chi	03/07/2003	CCQ2124A	03	Thi	7,2	5.7	6.3	
6	2121200094	Lê Nguyễn Anh	Đào	23/11/2002	CCQ2124F	03	huanho	8,8	7.6	8.1	
7	2121200093	Lê Nguyễn Hồng	Đào	16/06/2001	CCQ2124F	03	Das	9,6	8.2	8.8	
8	2122240085	Nguyễn Thị Hồng	Diễm	01/09/2004	CCQ2224C	03	hdiem	6,4	5.2	5.7	
9	2121240059	Lê Thị	Giang	10/02/2003	CCQ2124B	03	Grang	7,5	4.7	5.8	
10	2122240048	Trần Khánh	Hưng	02/02/2004	CCQ2224B	03	Hung	6,1	6.0	6.0	
11	2122240052	Lê Công	Huy	26/06/1999	CCQ2224B	03	Ch	5,4	7.0	6.4	
12	2122240183	Nguyễn Thị Ngọc	Loan	29/05/2004	CCQ2224E	03	Loan	9,8	7.9	8.7	
13	2122240021	Đường Thúc	Ly	11/12/2004	CCQ2224A	03	Thuy	5,3	3.4	4.2	
14	2122240189	Ngô Thị Cẩm	Ly	20/12/2003	CCQ2224F	03	Camp	6,1	7.4	6.9	
15	2122240070	Nguyễn Vũ Hà	My	13/05/2004	CCQ2224C	03	Harv	6,4	4.6	5.3	
16	2122240010	Lê Thị Xuân	Ngân	20/10/2004	CCQ2224A	03	Thuan	6,9	5.4	6.0	
17	2120240243	Nguyễn Hoàng Yến	Nhi	18/09/2002	CCQ2024H	03	Ch	7,0	5.8	6.3	
18	2122240062	Ông Thị Thiên	Nhi	04/10/2004	CCQ2224B	03	Thi	5,0	4.6	4.8	
19	2122240022	Phạm Thị Yến	Nhi	08/08/2004	CCQ2224A			2,0			
20	2122240024	Nguyễn Tú	Như	20/01/2004	CCQ2224A	03	Thui	5,6	3.8	4.5	
21	2122240066	Vũ Thu	Phuong	23/01/2003	CCQ2224C	03	Phuong	5,7	5.0	5.3	

Học kỳ 2 (2024-2025)

日: 12
 月: 01

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

Số SV có mặt: 18..

Số bài thi:18.....

Số tờ giấy thi: 1.8..

Phòng thi: B102

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP	Ghi chú
1	2122240058	Ngô Nguyễn Thanh	Quyên	29/05/2004	CCQ2224B	03		4,5	3.9	4.1	
2	2122240060	Vũ Thị Trúc	Quỳnh	27/10/2004	CCQ2224B	03		6,6	7.2	7.0	
3	2122240177	Nguyễn Thị Lệ	Sương	26/01/2004	CCQ2224F	03		5,9	5.3	5.5	
4	2122240185	Cao Thị Thanh	Thảo	16/07/2004	CCQ2224F	03		6,7	6.8	6.8	
5	2120240078	Lưu Thị Kim	Thi	10/10/2001	CCQ2024C	03		8,8	7.3	7.9	
6	2122240204	Huỳnh Thị Kiều	Thịnh	12/04/2004	CCQ2224C	03		5,1	5.5	5.3	
7	2120240227	Hoàng Nguyễn Anh	Thư	03/03/2002	CCQ2024G	03		6,8	3.8	5.0	
8	2121240007	Võ Lê	Thư	04/01/2003	CCQ2124A			2,0			
9	2122240013	Đàng Thị Mỹ Kim	Tiến	23/04/2001	CCQ2224A	03		7,2	4.2	5.4	
10	2120240198	Đinh Thị Hoài	Trâm	14/09/2002	CCQ2024G			3,5			
11	2122240084	Lê Nguyễn Thùy	Trâm	20/01/2004	CCQ2224C	03		6,9	4.7	5.6	
12	2122240082	Phạm Thị Huyền	Trâm	16/09/2004	CCQ2224C			2,0			
13	2122240093	Nguyễn Ngọc Phương	Trinh	23/06/2004	CCQ2224D	03		6,7	6.2	6.4	
14	2122240107	Ông Thị Cẩm	Trúc	05/01/2004	CCQ2224D	03		5,0	5.1	5.1	
15	2122240088	Nguyễn Cẩm	Tú	01/06/2004	CCQ2224C	03		7,5	4.9	5.9	
16	2122240054	Nguyễn Trần Thảo	Uyên	02/12/2004	CCQ2224B	03		5,5	5.6	5.6	
17	2121240045	Nguyễn Kiều	Vân	28/11/2003	CCQ2124B	03		5,8	4.5	5.0	
18	2122240158	Nguyễn Thuý	Vân	27/10/2004	CCQ2224B	03		6,6	3.9	5.0	
19	2122240095	Trần Phạm Long	Vũ	19/03/2004	CCQ2224D	03		8,6	6.0	7.0	
20	2122240033	Trần Thị Diễm	Vy	20/06/2004	CCQ2224A	03		6,9	8.1	7.6	
21	2122240064	Trương Thị Ngân	Vy	01/02/2003	CCQ2224C	03		6,5	4.7	5.4	